

**Uy ban kỹ thuật điện Quốc tế (IEC)
ấn phẩm 50 (321) - 1985**

Từ ngữ kỹ thuật điện Quốc tế

Chương 321 : MÁY BIẾN ÁP ĐO LƯỜNG

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI TỰA

<i>Phân đoạn 321 - 01 - NHỮNG TỪ NGỮ CHUNG VÀ THÔNG DỤNG</i>	<i>3</i>
<i>Tiết 321 - 02 - MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN</i>	<i>11</i>
<i>Tiết 321 - 03 : MÁY BIẾN ĐIỆN ÁP</i>	<i>19</i>

TỪNGỮ KỸ THUẬT ĐIỆN QUỐC TẾ

Chương 321 : MÁY BIẾN ÁP ĐO LƯỜNG

Lời nói đầu

1. Các quyết định hoặc thỏa thuận chính thức của IEC về các vấn đề kỹ thuật được soạn thảo bởi các ủy ban Kỹ thuật, trong đó có đại diện của các ủy ban Quốc gia đang có quan tâm đặc biệt đến vấn đề này, thể hiện sự nhất trí Quốc tế cao về các chủ đề đã được đề cập.
2. Các quyết định hoặc thỏa thuận này là những khuyến nghị để sử dụng quốc tế và đã được các Ủy ban Quốc gia chấp nhận theo ý nghĩa đó.
3. Để xúc tiến sự thống nhất Quốc tế, IEC bày tỏ mong muốn tất cả các ủy ban Quốc gia nên chấp nhận khuyến nghị của IEC như là các qui định quốc gia của mình trong chừng mực các điều kiện quốc gia cho phép. Bất kỳ sự khác biệt nào giữa khuyến nghị của IEC và qui định quốc gia tương ứng, cần được nêu rõ trong chừng mực cho phép trong các quy định này.

LỜI TỰA

Tiêu chuẩn này được lập ra bởi Ủy ban Kỹ thuật số 1 của IEC : Hệ thống thuật ngữ.

Chương mới này của Từ ngữ Kỹ thuật Điện Quốc tế thay thế có bổ sung cho phần 45 của nhóm 20 : "Thiết bị đo lường khoa học và công nghiệp" của lần xuất bản thứ hai IEC ban hành năm 1958.

Dự án đầu tiên đầy đủ về Máy biến áp đo lường đã được soạn thảo bởi Nhóm Công tác số 16 của IEC trong ủy ban Kỹ thuật số 38, đã được gửi đi lấy ý kiến từ Tháng 1-1978. Tiếp theo một cuộc họp mở rộng của Nhóm công tác họp tại Luân đôn vào tháng 1-1981, một bản dự thảo thứ hai đã được phân phát vào hồi tháng 8/1981 và được đệ trình để được chấp thuận theo Quy tắc 6 tháng hồi tháng 3/1982.

Văn bản của tiêu chuẩn này xuất phát từ các tài liệu sau đây :

Quy tắc 6 tháng	Báo cáo biểu quyết
I(IEV 321)(CO)1179	I(IEV 321)(CO)1203

Muốn có thông tin đầy đủ, cần tham khảo báo cáo kết quả biểu quyết nêu ở bảng trên đây.

Chương 321 : MÁY BIẾN ÁP ĐO LƯỜNG

MỞ ĐẦU

Trong tình trạng hiện tại, chương này chỉ trình bày các máy biến áp đo lường cổ điển kiểu quấn dây (hoặc có những phần quấn dây) dùng kết hợp với các thiết bị đo lường hoặc các bộ phận bảo vệ. Trong tương lai cũng đã nghĩ đến việc đưa vào những chủng loại máy biến áp đo lường mới với một đầu đề tổng quát hơn.

Trừ khi có các chỉ dẫn khác, những đặc tính làm việc như sai số, dòng điện định mức v.v... có hiệu lực với các dòng điện và điện áp hình sin và ở chế độ ổn định, và những giá trị dòng điện và điện áp xuất hiện trong các thuật ngữ và định nghĩa là những giá trị hiệu dụng.

Phân đoạn 321 - 01 - NHỮNG THUẬT NGỮ CHUNG VÀ THÔNG DỤNG

321 - 01 - 01

Máy biến áp đo lường.

Máy biến đổi dùng để truyền một tín hiệu thông tin đến các thiết bị đo lường, các công tơ, các bộ phận bảo vệ hoặc điều khiển.

Ghi chú : Máy biến áp đo lường gồm có máy biến dòng (xem phần 2) và máy biến điện áp (xem phần 3).

321 - 01 - 02

Máy biến áp tự ngẫu đo lường.

Máy biến áp đo lường trong đó các cuộn dây sơ cấp và thứ cấp có một phần chung.

321 - 01 - 03**Máy biến áp hỗn hợp.**

Máy biến áp đo lường gồm một máy biến dòng và một máy biến điện áp nằm trong một vỏ bọc chung .

321 - 01 - 04**Cuộn dây sơ cấp (của một máy biến dòng)**

Cuộn dây có dòng điện cần biến đổi đi qua.

321 - 01 - 05**Cuộn dây sơ cấp (của một máy biến điện áp)**

Cuộn dây mang điện áp cần biến đổi.

321 - 01 - 06**Cuộn dây thứ cấp (của một máy biến dòng)**

Cuộn dây cung cấp cho các mạch dòng của các thiết bị đo lường, các công tơ, các hệ thống bảo vệ hoặc điều khiển.

321 - 01 - 07**Cuộn dây thứ cấp** (của một máy biến điện áp)

Cuộn dây cung cấp cho các mạch điện áp của các thiết bị đo lường, các công tơ, các hệ thống bảo vệ hoặc điều khiển.

321 - 01 - 08**Mạch thứ cấp.**

Mạch ngoài tiếp nhận các tín hiệu thông tin cung cấp bởi cuộn dây thứ cấp của một máy biến điện áp đo lường.

321 - 01 - 09**Dòng điện sơ cấp** (của một máy biến dòng)

Dòng điện đi qua cuộn dây sơ cấp của một máy biến dòng

321 - 01 - 10**Điện áp sơ cấp** (của một máy biến điện áp)

]

Điện áp đặt vào cuộn dây sơ cấp của một máy biến điện áp.

321 - 01 - 11

Dòng điện sơ cấp định mức (của một máy biến dòng)

Giá trị dòng điện sơ cấp tượng trưng cho sự định rõ của một máy biến dòng mà các đặc tính của nó được quy vào.

321 - 01 - 12

Điện áp sơ cấp định mức (của một máy biến điện áp)

Giá trị điện áp sơ cấp tượng trưng cho sự định rõ của một máy biến điện áp mà các đặc tính của nó được quy vào.

321 - 01 - 13

Dòng điện thứ cấp (của một máy biến dòng)

Dòng điện đi qua cuộn dây thứ cấp của một máy biến dòng khi có một dòng điện đi qua cuộn dây sơ cấp.

321 - 01 - 14

Điện áp thứ cấp (của một máy biến điện áp)

Điện áp xuất hiện ở đầu cực cuộn dây thứ cấp của một máy biến điện áp khi có một điện áp được đặt vào cuộn dây sơ cấp.

321 - 01 - 15**Dòng điện thứ cấp định mức** (của một máy biến dòng)

Giá trị dòng điện thứ cấp tương trưng cho sự định rõ của một máy biến dòng mà các đặc tính của nó được quy vào.

321 - 01 - 16**Điện áp thứ cấp định mức** (của một máy biến điện áp)

Giá trị điện áp thứ cấp tương trưng cho sự định rõ của một máy biến điện áp mà các đặc tính của nó được quy vào.

321 - 01 - 17**Tỷ số biến của một máy biến dòng.**

Tỷ số giữa dòng điện sơ cấp thực và dòng điện thứ cấp thực của một máy biến dòng.

321 - 01 - 18**Tỷ số biến của một máy biến điện áp.**

Tỷ số giữa điện áp sơ cấp thực và điện áp thứ cấp thực của một máy biến điện áp.

QUANPHAM.VN

321-01-19**Tỷ số biến định mức của một máy biến dòng.**

Tỷ số giữa dòng điện sơ cấp định mức và dòng điện thứ cấp định mức của một máy biến dòng.

321 - 01 - 20**Tỷ số biến định mức của một máy biến điện áp.**

Tỷ số giữa điện áp sơ cấp định mức và điện áp thứ cấp định mức của một máy biến điện áp.

321 - 01 - 21**Sai số dòng.****Sai số tỷ số (của một máy biến dòng)**

Sai số mà một máy biến dòng đưa vào trong việc đo một dòng điện và xuất phát từ chỗ tỷ số biến không bằng tỷ số biến định mức .

321 - 01 - 22**Sai số điện áp.****Sai số tỷ số (của một máy biến điện áp)**

Sai số mà một máy biến điện áp đưa vào trong việc đo một điện áp và xuất phát từ chỗ tỷ số biến không bằng tỷ số biến định mức .

321 - 01 - 23**Lệch pha (sai số góc).**

Sự khác pha giữa các dòng điện (hoặc các điện áp) sơ cấp và thứ cấp, chiều dương của các dòng điện (hoặc các điện áp) được chọn sao cho sự khác nhau đó bằng không đối với một máy biến áp hoàn chỉnh.

Ghi chú : Sự lệch pha được xem là dương khi dòng điện (hoặc điện áp) thứ cấp vượt trước dòng điện (hoặc điện áp) sơ cấp.

321 - 01 - 24**Cấp chính xác.**

Chỉ định áp dụng cho một máy biến áp đo lường có sai số dòng (hoặc điện áp) và lệch pha nằm trong giới hạn chỉ định, trong điều kiện sử dụng quy định.

321 - 01 - 25**Phụ tải (của một máy biến áp đo lường)**

Trở kháng của mạch thứ cấp.

Ghi chú : Phụ tải thường được đặc trưng bằng công suất biểu kiến hấp thụ bởi mạch thứ cấp, với một hệ số công suất đã định, có dòng điện (hoặc điện áp) thứ cấp định mức.

321 - 01 - 26**Phụ tải định mức (của một máy biến áp đo lường)****Phụ tải chính xác.**

Giá trị phụ tải mà các đòi hỏi về cấp chính xác của tiêu chuẩn kỹ thuật dựa vào đó .

321 - 01 - 27**Công suất ra định mức (của một máy biến áp đo lường)****Công suất chính xác.**

Giá trị công suất biểu kiến với một hệ số công suất đã định mà biến áp đo lường có thể cung cấp ở mạch thứ cấp dòng điện (hoặc điện áp) thứ cấp định mức và phụ tải định mức.

Phân đoạn 321 - 02 - MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN**321 - 02 - 01****Máy biến dòng điện.**

Máy biến áp đo lường trong đó dòng điện thứ cấp trong điều kiện sử dụng bình thường, hầu như tỷ lệ thuận với dòng điện sơ cấp và lệch pha so với nó một góc gần bằng không theo một chiều dấu nối thích hợp.

321 - 02 - 02**Máy biến dòng điện cho sứ xuyên.**

Máy biến dòng điện không có cuộn dây sơ cấp và không có cách điện sơ cấp có thể lắp đặt trực tiếp trên một sứ xuyên hoặc một vật dẫn được cách điện.

321 - 02 - 03**Máy biến dòng điện cho thanh cái.**

Máy biến dòng điện không có cuộn dây sơ cấp nhưng có cách điện sơ cấp có thể đặt trực tiếp trên một dây dẫn hoặc một thanh cái.

321 - 02 - 04**Máy biến dòng điện cho cáp.**

Máy biến dòng điện không có cuộn dây sơ cấp và không có cách điện sơ cấp có thể đặt trên một cáp cách điện.

321 - 02 - 05**Máy biến dòng điện có mạch từ mở**

Máy biến dòng điện không có cuộn dây sơ cấp và không có cách điện sơ cấp mà mạch từ có thể mở và khép lại quanh một dây dẫn cách điện mang dòng điện cần đo.

321 - 02 - 06**Máy biến dòng điện có thanh đấu gắn liền.**

Máy biến dòng điện có cuộn dây sơ cấp gồm có một thanh hoặc một tập hợp nhiều thanh đấu song song.

321 - 02 - 07**Máy biến dòng điện kiểu sứ xuyên.**

Máy biến dòng điện được chế tạo sao cho nó có thể dùng như một sứ xuyên.

321 - 02 - 08**Máy biến dòng điện kiểu sứ đỡ**

Máy biến dòng điện được xếp đặt sao cho nó làm nhiệm vụ đỡ dây dẫn dùng làm mạch sơ cấp.

321 - 02 - 09**Máy biến dòng điện có phía sơ cấp quấn dây.**

Máy biến dòng điện trong đó cuộn sơ cấp được cấu tạo bằng một cuộn dây có một vòng hoặc nhiều vòng dây .

321-02-10**Máy biến dòng điện cách điện hoàn toàn.**

Máy biến dòng điện được chế tạo với cách điện phù hợp với mức cách điện định mức của nó.

321 - 02 - 11**Máy biến dòng điện có dải đo mở rộng.**

Máy biến dòng điện có dòng điện chịu nhiệt định mức lâu dài lớn hơn dòng sơ cấp định mức mà , với dòng điện đó, những yêu cầu về độ chính xác được tính toán.

321 - 02 - 12**Máy biến dòng điện có một lõi duy nhất.**

Máy biến dòng điện chỉ có một mạch từ, chỉ có một cuộn sơ cấp và một cuộn thứ cấp.

321 - 02 - 13**Máy biến dòng điện có nhiều lõi.**

Máy biến dòng điện gồm có một số mạch từ riêng biệt, với nhiều cuộn dây thứ cấp riêng lẻ và một cuộn dây sơ cấp chung.

321-02-14**Máy biến dòng điện có bù .**

Máy biến dòng điện gồm có một cuộn dây phụ được cấp nguồn độc lập và chủ yếu dùng để giảm độ lệch pha giữa các dòng điện sơ cấp và thứ cấp.

321 - 02 - 15**Máy biến dòng điện tự bù .**

Máy biến dòng điện gồm có một cuộn dây phụ nối tiếp với cuộn thứ cấp của máy và chủ yếu dùng để giảm sự lệch pha giữa các dòng sơ cấp và thứ cấp.

321 - 02 - 16**Máy biến dòng điện tổng**

Máy biến dòng điện dùng để đo tổng các giá trị tức thời của dòng điện có cùng tần số trên một lưới điện.

321 - 02 - 17**Máy biến dòng điện thích ứng.**

Máy biến dòng điện dùng để thích ứng dòng điện thứ cấp định mức của máy biến dòng chính với dòng điện định mức của phụ tải hoặc dùng để giảm hệ số an toàn của thiết bị đo.

321 - 02 - 18**Máy biến dòng điện dùng cho đo lường.**

Máy biến dòng điện dùng để truyền một tín hiệu thông tin đến các thiết bị đo lường hoặc đến các công tơ điện.

321 - 02 - 19**Máy biến dòng điện dùng cho bảo vệ.**

Máy biến dòng điện dùng để truyền một tín hiệu thông tin cho các bộ phận bảo vệ hoặc điều khiển.

Ghi chú : Cấp chính xác của máy biến dòng điện dùng cho bảo vệ được chỉ rõ bởi chỉ số cấp, theo sau là chữ "P" (có nghĩa là bảo vệ). Chỉ số cấp chỉ rõ giới hạn trên của giá trị tuyệt đối của sai số hỗn hợp, trên dòng điện sơ cấp giới hạn độ chính xác định mức quy định cho cấp được xét, bằng phần trăm của dòng điện đó.

321 - 02 - 20**Dòng điện dư (dòng điện thứ tự không)**

Tổng các giá trị tức thời của ba dòng điện pha của một lưới điện ba pha.

321 - 02 - 21**Máy biến dòng điện dư (dòng điện thứ tự không).**

Máy biến dòng điện duy nhất, hoặc nhóm ba máy biến dòng đấu ghép để biến ra duy nhất dòng điện dư .

321 - 02 - 22**Dòng điện định mức chịu nhiệt ngắn hạn.**

Giá trị cực đại của dòng điện sơ cấp mà máy biến dòng có thể chịu được trong một thời hạn ngắn được chỉ định, cuộn dây thứ cấp được đấu tắt mà không gây ra hư hỏng gì.

321 - 02 - 23**Dòng điện mở rộng định mức .**

Giá trị lớn nhất của dòng điện sơ cấp, tính bằng phần trăm của dòng điện sơ cấp định mức qua đó một máy biến dòng có dây đo rộng thỏa mãn mọi yêu cầu về độ phát nóng và độ chính xác.

321 - 02 - 24**Dòng điện động định mức .**

Giá trị đỉnh cực đại của dòng điện sơ cấp mà máy biến dòng có thể chịu được, cuộn dây thứ cấp được đấu tắt, không bị hư hỏng về điện hoặc cơ do các lực điện từ gây ra.

321 - 02 - 25**Dòng điện định mức chịu nhiệt lâu dài****Dòng điện phát nóng**

Giá trị dòng điện có thể đi liên tục qua cuộn dây sơ cấp, cuộn dây thứ cấp được đấu vào phụ tải định mức , độ phát nóng không vượt quá các giá trị chỉ định.

321 - 02 - 26**Sai số hỗn hợp**

Ở chế độ liên tục, giá trị hiệu dụng của sự chênh lệch giữa :

a) Các giá trị tức thời của dòng điện sơ cấp, và

b) Tích của tỷ số biến định mức với các giá trị tức thời của dòng điện thứ cấp.

Chiều dương của các dòng điện sơ cấp và thứ cấp tương ứng với các quy ước đã được chấp thuận về đánh dấu các đầu cực.

Ghi chú : Sai số hỗn hợp thường được tính bằng phần trăm của giá trị hiệu dụng của dòng điện sơ cấp.

321 - 02 - 27**Dòng điện giới hạn sơ cấp định mức** (cho các thiết bị đo lường) (IPL)

Giá trị dòng điện sơ cấp tối thiểu qua đó sai số hỗn hợp của máy biến dòng dùng cho đo lường bằng hoặc lớn hơn 10%, phụ tải thứ cấp phải bằng phụ tải định mức

321 - 02 - 28**Hệ số an toàn.** (cho các thiết bị đo lường) (FS).

Tỷ số giữa dòng điện giới hạn sơ cấp định mức và dòng điện sơ cấp định mức .

321 - 02 - 29

Dòng điện sơ cấp giới hạn định mức về độ chính xác . (của một máy biến dòng dùng cho bảo vệ)

Giá trị dòng điện sơ cấp lớn nhất mà máy biến dòng thỏa mãn được những điều quy định liên quan đến sai số hỗn hợp .

321 - 02 - 30

Hệ số chính xác giới hạn. (của một máy biến dòng dùng cho bảo vệ)

Tỷ số giữa dòng điện sơ cấp giới hạn bởi độ chính xác định mức và dòng điện sơ cấp định mức .

321 - 02 - 31

Sức điện động giới hạn thứ cấp.

Tích của hệ số an toàn với dòng điện thứ cấp định mức và với tổng vectơ của phụ tải định mức và của trở kháng của cuộn dây thứ cấp.

321 - 02 - 32

Dòng điện kích thích.

Giá trị hiệu dụng của dòng điện đi qua cuộn dây thứ cấp của một máy biến dòng khi ta đặt vào các cực thứ cấp một điện áp hình sin có tần số định mức , cuộn dây sơ cấp và tất cả các cuộn dây khác đều hở mạch.

321 - 02 - 33

Phụ tải trong. (của một máy biến dòng điện).

Trở kháng của cuộn dây thứ cấp.

321 - 02 - 34

Điện áp ở điểm khuỷu.

Giá trị hiệu dụng của điện áp hình sin có tần số định mức nếu đặt vào các cực thứ cấp của máy biến dòng, tất cả các cuộn dây khác đều hở mạch, sẽ làm tăng dòng điện kích thích lên 50% nếu nó tăng 10%.

321 - 02 - 35

Bù bằng cách thay đổi số vòng dây.

Đặc tính chế tạo của một máy biến dòng mà tỷ số các vòng dây khác với tỷ số biến định mức .

Tiết -321 - 03 : MÁY BIẾN ĐIỆN ÁP**321 - 03 - 01**

Máy biến điện áp.

Máy biến áp đo lường trong đó điện áp thứ cấp, trong điều kiện sử dụng bình thường, thực tế tỷ lệ thuận với điện áp sơ cấp và lệch pha so với nó một góc gần bằng không theo một chiều dấu nối thích hợp.

321 - 03 - 02**Máy biến điện áp không nối đất.**

Máy biến điện áp mà tất cả các bộ phận của cuộn dây sơ cấp, kể cả các đầu cực, được cách điện so với đất ở một mức tương ứng với mức cách điện định mức của nó.

321 - 03 - 03**Máy biến điện áp có nối đất.**

Máy biến điện áp một pha có một trong các đầu của cuộn dây sơ cấp được dùng để nối trực tiếp xuống đất, hoặc máy biến điện áp ba pha có một điểm trung tính của các cuộn dây sơ cấp được dùng để nối trực tiếp xuống đất.

321 - 03 - 04**Máy biến điện áp dùng cho đo lường.**

Máy biến điện áp dùng để truyền một tín hiệu thông tin đến các thiết bị đo lường hoặc đến các công tơ điện.

321 - 03 - 05**Máy biến điện áp dùng cho bảo vệ.**

Máy biến điện áp dùng để truyền một tín hiệu thông tin đến các bộ phận bảo vệ hoặc điều khiển.

Ghi chú : Cấp chính xác của một máy biến điện áp dùng cho bảo vệ được chỉ định bởi chỉ số cấp, theo sau là chữ "P" (có nghĩa là bảo vệ). Chỉ số cấp chỉ rõ giới hạn trên của giá trị tuyệt đối của sai số điện áp, ở điện áp từ 5% của điện áp định mức đến điện áp tương ứng với hệ số điện áp định mức .

321 - 03 - 06**Máy biến điện áp hai chức năng.**

Máy biến điện áp có cùng một mạch từ dùng để đảm bảo hai chức năng đo lường và bảo vệ. Nó có thể có một hoặc nhiều cuộn dây thứ cấp.

321 - 03 - 07**Máy biến điện áp (cảm ứng) mắc nối tiếp.**

Máy biến điện áp trong đó cuộn dây sơ cấp được phân chia đều đặn trên nhiều lõi từ riêng lẻ, được đấu nối thích hợp về mặt điện từ. Theo cách đó, công suất truyền đi vào cuộn thứ cấp được đặt trên lõi từ đỡ các cuộn dây mà điện thế gần bằng với điện thế của đất.

321 - 03 - 08**Máy biến điện áp thích ứng.**

Máy biến điện áp dùng để thích ứng điện áp thứ cấp định mức của máy biến điện áp chính với điện áp định mức của phụ tải.

321 - 03 - 09**Điện áp dư (thứ tự không).**

Tổng các giá trị tức thời của ba điện áp pha-đất của một lưới điện ba pha.

321 - 03 - 10**Máy biến điện áp dư (thứ tự không).**

Máy biến điện áp ba pha hoặc nhóm ba máy biến điện áp một pha có các cuộn dây thứ cấp đấu hình tam giác hở, để cung cấp ở các đầu cực thích hợp một điện áp đặc trưng cho điện áp dư xuất hiện trong hệ thống điện áp ba pha đặt vào các cực sơ cấp.

321 - 03 - 11**Cuộn dây điện áp dư (thứ tự không).**

Cuộn dây của một máy biến điện áp mà ở các đầu cực của nó xuất hiện điện áp dư thứ cấp, hoặc một trong ba điện áp thành phần mà tổng số của chúng tạo ra điện áp dư.

321 - 03 - 12**Hệ số điện áp định mức .**

Hệ số phải nhân với điện áp sơ cấp định mức để xác định điện áp cực đại qua đó một máy biến điện áp cần phải đáp ứng các điều quy định về độ phát nóng tương ứng trong một thời hạn được xác định, cũng như các quy định về độ chính xác tương ứng.

321 - 03 - 13**Dòng điện thứ cấp giới hạn nhiệt.**

Dòng điện thứ cấp cực đại mà một máy biến điện áp có thể cung cấp liên tục, với điện áp cao nhất của thiết bị, không làm cho nhiệt độ của bất kỳ bộ phận nào vượt quá nhiệt độ giới hạn quy định.

321 - 03 - 14**Máy biến điện áp kiểu tụ điện.**

Máy biến điện áp gồm có một bộ phận chia điện dung và một thành phần điện từ được lắp và đấu sao cho điện áp thứ cấp của thành phần điện từ thực tế tỷ lệ thuận với điện áp sơ cấp và lệch pha so với nó một góc gần bằng không theo một chiều đấu nối thích hợp.

321 - 03 - 15**Bộ phân áp kiểu điện dung.**

Bộ phân chia điện áp cấu thành duy nhất bằng các tụ điện.

321 - 03 - 16**Đầu cực cao áp.**

Đầu cực dùng để đấu nối vào đường dây chuyên tải điện.

321 - 03 - 17**Đầu cực hạ áp.** (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện).

Đầu cực nối dùng để đấu nối xuống đất, hoặc trực tiếp hoặc qua trung gian một mạch đấu ghép cho dòng điện tải (qua mạch truyền tải có tần số mang)

321 - 03 - 18**Đầu cực nối trung gian.** (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện).

Đầu cực dùng để đấu nối vào thành phần điện từ của một máy biến điện áp kiểu tụ điện.

321 - 03 - 19

Tụ điện cao áp. (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện).

Tụ điện được đấu nối giữa đầu cực cao áp và đầu cực trung gian.

321 - 03 - 20

Tụ điện có điện áp trung gian. (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện).

Tụ điện được đấu nối giữa đầu cực trung gian và đầu cực hạ áp.

321 - 03 - 21

Phần tử điện tử. (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện).

Thành phần của một máy biến điện áp kiểu tụ điện, được đấu nối giữa đầu cực trung gian và đầu cực hạ áp của bộ phân chia điện dung hoặc với đất và thành phần này cung cấp điện áp thứ cấp.

321 - 03 - 22**Điện áp trung gian khi mạch hở.**

Điện áp sản sinh giữa đất và đầu cực trung gian của bộ phận chia điện dung khi điện áp sơ cấp được đặt vào giữa đầu cực cao áp và đầu cực hạ áp hoặc đất, phần tử điện từ được tách ra.

321 - 03 - 23**Tỷ số điện áp của bộ phận chia điện dung.**

Tỷ số giữa tổng điện dung của tụ điện cao áp và của tụ điện có điện áp trung gian và điện dung của tụ điện cao áp.

321 - 03 - 24**Bộ phận bảo vệ. (của một máy biến điện áp kiểu tụ điện)**

Bộ phận trong thành phần của một máy biến điện áp kiểu tụ điện dùng để giới hạn các quá điện áp có thể xảy ra trong một hoặc nhiều phần tử của nó, chẳng hạn do những hiện tượng cộng hưởng sắt từ.